

Số: 140/QĐ-BGTVT

Hà Nội, ngày 14 tháng 01 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

**VỀ VIỆC PHÊ DUYỆT QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ HOÀN THÀNH DỰ ÁN CẢI TẠO,
NÂNG CẤP QUỐC LỘ 217 ĐOẠN KM27-KM94+500 TỈNH THANH HOÁ**

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Nghị định số 51/2008/NĐ-CP ngày 22/4/2008 của Chính phủ về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Thông tư số 33/2007/TT-BTC ngày 09/04/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Ngân sách Nhà nước; Thông tư số 98/2007/TT-BTC ngày 09/8/2007 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư số 33/2007/TT-BTC ngày 09/4/2007;

Xét báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành của Sở Giao thông vận tải tỉnh Thanh Hoá; báo cáo kiểm toán số 217/IFC-KT-XD ngày 26/03/2007 của Công ty TNHH kiểm toán và Tư vấn tài chính Quốc tế; Biên bản thẩm tra quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành ngày 10/12/2008 của Tổ tư vấn của Bộ Giao thông vận tải; Ý kiến của các thành viên Hội đồng xét duyệt quyết toán Bộ Giao thông vận tải; Ý kiến của Thứ trưởng phụ trách dự án và uỷ quyền của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ngày 08/01/2009;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành:

Dự án Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 217 đoạn Km27-Km94+500 tỉnh Thanh Hoá.

Chủ đầu tư: Sở Giao thông vận tải Thanh Hoá.

Địa điểm xây dựng: Huyện Vĩnh Lộc, Cẩm Thủy, Bá Thước tỉnh Thanh Hoá.

Thời gian khởi công: T02/2001.

Thời gian hoàn thành: T9/2004.

Điều 2. Kết quả đầu tư:

1. Nguồn vốn đầu tư:

Đơn vị: đồng

Nguồn	Được duyệt	Thực hiện
1	2	3
Tổng số	143.713.639.000	139.495.099.000

- Vốn Ngân sách Nhà nước	43.713.639.000	39.495.099.000
- Vốn vay	100.000.000.000	100.000.000.000

2. Chi phí đầu tư:

Đơn vị: đồng

Nội dung	Tổng dự toán được duyệt	Chi phí đầu tư được quyết toán
1	2	3
Tổng số	143.414.799.268	137.912.699.947
- Xây lắp	117.767.794.000	114.478.271.811
- Chi phí khác	25.647.005.268	23.434.428.136
- Dự phòng	298.000.000	0

(Chi tiết như phụ lục số 01 kèm theo)

3. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản: Không

4. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:

Đơn vị: đồng

Nội dung	Công trình (HMCT) thuộc chủ đầu tư quản lý		Công trình (HMCT) giao đơn vị khác quản lý	
	2	3	4	5
Tổng số	0		137.912.699.947	
1. Tài sản cố định	0		137.912.699.947	
2. Tài sản lưu động	0		0	

Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan:

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

- Được phép tắt toán nguồn và chi phí đầu tư công trình theo đúng quy định.
- Thu hồi nợ phải thu và thanh toán nợ phải trả với các đơn vị có liên quan tính đến ngày 15/6/2008 là:

+ Tổng nợ phải thu: 1.635.142.811 đồng.

+ Tổng nợ phải trả: 52.743.758 đồng.

(Chi tiết các khoản công nợ như phụ lục số 02 kèm theo).

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản: Đơn vị tiếp nhận tài sản có trách nhiệm ghi tăng tài sản, nguồn vốn hình thành tài sản và quản lý khai thác theo qui định.

Điều 4. Vụ trưởng Vụ Tài chính, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch đầu tư, Cục trưởng Cục Quản lý xây dựng và Chất lượng công trình giao thông, Chánh Thanh tra Bộ, Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam, Giám đốc Sở Giao thông vận tải Thanh Hoá và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Cơ quan cấp phát vốn;
- Ban QLDA giao thông 2 Thanh Hoá;
- Lưu : VT, TC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG****Nguyễn Hồng Trường****PHỤ LỤC SỐ 01****CHI PHÍ ĐẦU TƯ ĐƯỢC DUYỆT QUYẾT TOÁN**

Kèm theo Quyết định số 140/QĐ-BGTVT ngày 14/01/2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

Đơn vị tính : Đồng

TT	Nội dung	Quyết toán được duyệt
A	Xây lắp	114.478.271.811
1	Gói thầu số 01 (Km27 - Km40)	13.752.339.194
2	Gói thầu số 02 (Km40-Km52)	16.074.223.607
3	Gói thầu số 03 (Km52 - Km63)	15.148.156.118
4	Gói thầu số 04 (Km63 - Km73)	21.317.630.124
5	Gói thầu số 05 (Km73 - Km87)	13.862.614.035
6	Gói thầu số 06 (Km87 - Km94+500)	20.218.847.567
7	Gói thầu số 07 (Km87 - Km94+500)	14.104.461.166
B	Chi phí khác	23.434.428.136
I	Giai đoạn chuẩn bị đầu tư	854.543.204
1	Khảo sát, lập BCNCKT	854.543.204
II	Giai đoạn thực hiện đầu tư	22.491.722.132
1	Chi phí khảo sát TKKT	2.142.784.562
2	Khảo sát thiết kế bản vẽ thi công	450.388.254
3	Khảo sát TKKT thi công bổ sung	172.220.294
4	Rà phá bom mìn	2.525.949.135
5	Giám sát thi công	188.216.913
6	Chi phí QLDA	952.743.000
7	Lập HSMT và Đánh giá HSDT	25.667.000
8	Bảo hiểm công trình	417.344.000
9	Nhà hạt số 04	634.000.961

10	Nhà hạt số 06	665.209.548
11	KSTK và giám sát kỹ thuật nhà và đường vào nhà hạt	29.548.000
12	Thi công cọc lố giới	354.147.910
12.1	Khảo sát thiết kế lập dự toán	4.869.000
13	Đền bù GPMB	13.427.646.055
13.1	Đền bù cho dân	10.055.083.476
13.2	Chi phí hoạt động	449.878.400
13.3	Di chuyển đường điện+bưu điện	2.922.684.179
14	Thí nghiệm kiểm định chất lượng công trình	333.222.000
15	Thẩm định điều chỉnh dự án +Tổng mức đầu tư	23.000.000
16	Trang thiết bị văn phòng	144.765.500
III	Giai đoạn kết thúc dự án	88.162.800
1	Phí kiểm toán	83.615.000
2	Thẩm tra phê duyệt quyết toán	4.547.800
	Cộng (A + B)	137.912.699.947

PHỤ LỤC SỐ 02

TÌNH HÌNH CÔNG NỢ

Kèm theo Quyết định số 140/QĐ-BGTVT ngày 14/01/2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Nợ phải trả	Nợ phải thu
1	2	3	4
A	Xây lắp	0	967.728.189
1	Gói thầu số 01 (Km27 - Km40)	0	127.490.806
2	Gói thầu số 02 (Km40-Km52)	0	64.156.393
3	Gói thầu số 03 (Km52 - Km63)	0	504.763.882
4	Gói thầu số 04 (Km63 - Km73)	0	77.849.876
5	Gói thầu số 05 (Km73 - Km87)	0	72.385.965
6	Gói thầu số 06 (Km87-Km94+500)	0	92.102.433
7	Gói thầu số 07 (Km87 - Km94+500)	0	28.978.834
B	Chi phí khác	52.743.758	667.414.622
I	Giai đoạn chuẩn bị đầu tư	0	55.456.796
1	Khảo sát, lập BCNCKT	0	55.456.796

II	Giai đoạn thực hiện đầu tư	48.195.958	611.957.826
1	Chi phí khảo sát TKKT	0	6.827.438
2	Khảo sát thiết kế bản vẽ thi công	254	0
3	Khảo sát TKKT thi công bổ sung	48.146.294	0
4	Rà phá bom mìn	0	504.050.865
5	Giám sát thi công	0	11.503.087
6	Chi phí QLDA	0	19.226.000
7	Lập HSMT và Đánh giá HSDT	2.000	0
8	Nhà hạt số 04	0	67.243.491
9	Nhà hạt số 06		
10	Thi công cọc lộ giới	910	0
11	Khảo sát thiết kế lập dự toán	0	0
12	Giám sát thi công	0	0
13	Quản lý dự án	0	
14	Đền bù GPMB	0	3.106.945
15	Trang thiết bị văn phòng	46.500	0
III	Giai đoạn kết thúc dự án	4.547.800	0
1	Thẩm tra phê duyệt quyết toán	4.547.800	0
	Cộng (A + B)	52.743.758	1.635.142.811